

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP. HCM **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

ĐỒ ÁN HỌC PHẦN Tên học phần: LẬP TRÌNH WEB

WEBSITE KINH DOANH ĐỒNG HỔ ORIENT

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trịnh Công Nhựt

Sinh viên thực hiện:

 MSSV:
 Họ và tên:
 Lớp:

 1911066458
 Nguyễn Trọng Tuấn
 19DTHD4

 1911065966
 Nguyễn Thành An
 19DTHD4

 1911066628
 Nguyễn Huy Bảo Toàn
 19DTHD4

 1911066462
 Nguyễn Diệp Thanh Tùng
 19DTHD4

TP. Hồ Chí Minh, 04/2022

TP. Hồ Chí Minh, 04/2022

PHIẾU PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỒ ÁN HỌC PHẦN: LẬP TRÌNH WEB

- 1. Tên đề tài: Xây dựng Website kinh doanh đồng hồ Orient.
- 2. Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trịnh Công Nhụt.

STT	MSSV/ Họ và tên	Nội dung công việc thực hiện	Tự đánh giá Tỉ lệ & Điểm
1	1911066628/ Nguyễn Huy Bảo Toàn	- Vẽ sơ đồ use case khách hàng Giao diện: + Khách hàng: đăng nhập, đăng ký, giới thiệu , đặt hàng. + Admin: quản lý danh sách đơn đặt hàng, danh sách đơn hàng đã hủy Chức năng: Xem thông tin sản phẩm, đánh giá Viết báo cáo	8.5
2	1911066458/ Nguyễn Trọng Tuấn	- Thiết kế CSDL - Giao diện: + Khách hàng: sản phẩm đồng hồ, liên hệ, tìm kiếm sản phẩm. + Admin: quản lý liên hệ với khách hàng, danh mục	8.5

		sản phẩm, quản lý giao	
		diện menu web với slider.	
		- Chức năng: Thanh toán,	
		liên hệ.	
		- Viết báo cáo	
		- Thiết kế CSDL.	
		- Giao diện:	
		+Khách hàng: chi tiết	
		sản phẩm, giỏ hàng, đơn	
	1011065066	hàng đã mua.	
3	1911065966/	+Admin: đăng nhập	8.5
	Nguyễn Thành An	admin, quản lý sản phẩm,	
		quản lý khách hàng.	
		- Chức năng: đăng ký,	
		đăng nhập, đặt sản phẩm.	
		- Viết báo cáo	
		- Vẽ sơ đồ use case admin.	
		- Giao diện:	
		+Khách hàng: trang chủ,	
		tin tức, phụ kiện.	
4	1911066462/	+Admin: quản lý tài	0.5
4	Nguyễn Diệp Thanh Tùng	khoản admin, danh mục	8.5
		bài viết, quản lí trang đơn.	
		- Chức năng: tìm kiếm sản	
		phẩm, chi tiết đơn hàng.	
		- Viết báo cáo	

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU	1
1.1. Giới thiệu đề tài	1
1.1.1.Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài	1
1.1.2. Ngôn ngữ lập trình C# là gì?	1
1.1.3. Lý do nên chọn MYSQL cho website của mình?	2
1.2. Mục đích của đề tài	
1.2.1. Chức năng người dùng	
1.2.2. Chức năng quản trị	
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	
2.1. Thương mại điện tử và website thương mại điện tử	5
2.1.1. Thương mại điện tử là gì?	
2.1.2. Thương mại điện tử xuất hiện ở Việt Nam khi nào?	
2.1.3. Lợi ích của thương mại điện tử (TMĐT)?	
2.1.4. Web thương mại điện tử	
2.2. Các công nghệ - kỹ thuật lập trình website	
2.2.1. Tìm hiểu về HTML5	
2.2.2. Tìm hiểu về CSS3	9
2.2.3. Tìm hiểu về JavaScript	
2.2.4. Tìm hiểu về MVC	
2.2.5. Tìm hiểu về ASP.NET MVC5	12
2.2.6. Tìm hiểu về Bootstrap	
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ	
3.1. Sơ đồ tổng thể:	
3.2. Cơ sở dữ liệu:	
3.3. Giao diện website	
3.3.1. Giao diện phía khách hàng:	
3.3.2. Giao diện của admin:	
CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN – ĐÁNH GIÁ	
4.1 Kết luận	
4.2 Hướng phát triển	
TÀI LIÊU THAM KHẢO	41

LỜI NÓI ĐẦU

Sau thời gian học môn lập trình web, nhóm của chúng em quyết định lựa chọn làm website bán đồng hồ nhằm đáp ứng những nhu cầu của khách hàng cũng như đáp ứng được vấn đề quản lý của người bán giúp cho việc mua bán dễ dàng, nhanh chóng tiện lợi hơn. Trong khoảng thời gian qua, chúng em đã cố gắng nỗ lực không ngừng để cho đồ án này đạt được kết quả tốt nhất. Bên cạnh sự thành công đó không thể không cảm ơn đến thầy Trịnh Công Nhựt đã giảng dạy và hướng dẫn chúng em trong suốt khoảng thời gian qua để hoàn thành đồ án.

Tuy đã hoàn thành những chức năng cơ bản cần thiết nhất của một trang web nhưng đồ án của chúng em vẫn còn nhiều thiếu xót vì năng lực và thời gian vẫn còn hạn chế mong thầy thông cảm. Em xin chân thành cảm ơn những góp ý của thầy, nhóm của chúng em sẽ cố gắng hoàn thiện những đồ án của mình hơn trong tương lai.

Sau đây là phần báo cáo của nhóm chúng em, chúng em xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

1.1. Giới thiệu đề tài

Ngày nay, cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang ngày càng phát triển mạnh mẽ và có những bước tiến mới và thành tựu mới. Từ khi nước ta tham gia WTO thì nền kinh tế cũng như lượng hàng hóa nhận vào ngày một tăng lên. Vì vậy, trong các doanh nghiệp việc tiêu thụ hàng hóa ngày càng một nhiều nó là một vấn đề vô cùng quan trọng.

Trong thời đại 4.0, kinh tế tăng trưởng, nhu cầu người dùng ngày càng cao, số lượng hàng hóa ngày một nhiều. Nên có rất nhiều hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa như là bán online, bán hàng tại các cửa hiệu.

Bằng internet, chúng ta đã thực hiện được nhiều công việc với tốc độ nhanh hơn và chi phí thấp hơn nhiều so với cách thức truyền thống. Chính điều này, đã thúc đẩy sự khai sinh và phát triển của thương mại điện tử và chính phủ điện tử trên khắp thế giới, làm biến đổi đáng kể bộ mặt văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống con người

Bên cạnh đó, người tiêu dùng thường xuyên lựa chọn các mặt hàng như thời trang, trang sức để làm đẹp cho bản thân mình. Vì vậy nhóm chúng em đã thành lập ra một trang web bán đồng hồ nhằm mục đích phục vụ nhu cầu của người dùng, và tăng vẻ đẹp của một người khi sử dụng trang sức đồng hồ.

1.1.1. Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài

Trong thời đại thương mại điện tử đang ngày càng phát triển, việc ứng dụng vào hoạt động "Xây dựng Website giới thiệu sản phẩm và bán hàng Đồng hồ Orient" đã mang lại nhiều ý nghĩa sau:

- Đỡ tốn thời gian cho người tiêu dùng cũng như nhà quản lý trong việc tham gia vào hoạt động mua bán hàng.
- Giúp người tiêu dùng có được giá cả và hình ảnh mặt hàng một cách chính xác.
- Giúp nhà quản lý dễ dàng hơn trong việc quản lý sản phẩm.

1.1.2. Ngôn ngữ lập trình C# là gì?

C Sharp (được viết tắt C#): Là một trong những ngôn ngữ lập trình theo hướng đối tượng được phát triển và ra mắt do Anders Hejlsberg phát triển vào năm 2001.

Ngôn ngữ này được đầu tư bởi Microsoft và còn được xem như đối thủ "nặng ký" của Java. C# có sự kết hợp chặt chẽ cùng với .NET Framework nhằm hỗ trợ cho việc tạo ra các ứng dụng Windows Forms hoặc WPF được trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn.

Cho tới hiện nay thì C# đang là một trong những ngôn ngữ được đông đảo người dùng ưu tiên sử dụng và dần trở thành ngôn ngữ lập trình phổ biến nhất trên thế giới.

1.1.3. Lý do nên chọn MYSQL cho website của mình?

Môi trường

Như đã nói ở trên, SQL Server hoạt động tốt với .NET, trong khi đó MySQL có thể kết hợp với mọi ngôn ngữ lập trình khác, thông thường là PHP. Cũng cần phải nói rõ là SQL Server trước đây chạy độc quyền trên Windows, nhưng giờ đã khác kể từ khi Microsoft thông báo hỗ trợ Linux cho SQL Server. Nhưng, phiên bản Linux vẫn chưa đủ tốt. Vì vậy, lời khuyên của các chuyên gia vẫn là khuyên bạn nếu sử dụng Windows thì hãy dùng SQL Server, hoặc chuyển qua Linux thì hãy dùng MySQL.

• Storage engines

Sự khác biệt lớn khác nhưng không được xem trọng là MySQL và SQL Server có cách khác nhau để lưu trữ liệu. SQL server sử dụng một storage engine được phát triển bởi Microsoft, khác hoàn toàn so với nhiều loại engines được tạo ra cho MySQL. Điều này giúp lập trình viên MySQL có sự linh hoạt nhất định, vì có thể dùng nhiều storage engine khác nhau cho bảng, dựa trên tốc độ, độ tin cậy hoặc các lý do khác. Một storage engine phổ biến của MySQL là InnoDB, có thể chậm hơn nhưng ổn định hơn so với MyISAM.

Hủy Query

MySQL không cho phép bạn hủy query giữa chừng. Có nghĩa là khi lệnh đã được phát đi, bạn cần "cầu nguyện" là bất kỳ hư hỏng nào nó có khả năng gây ra có thể khôi phục. SQL Server, ở mặc khác, cho phép bạn hủy query giữa chừng. Việc này có thể gây tổn thất cho database admin, trái với web developer, những người thực thi query hiếm khi cần hủy query trong quá trình thực thi.

• Bảo mật

Với MS SQL Server, Microsoft đã cung cấp cho SQL server những tính năng bảo mật đáng giá và mạnh mẽ. Một công cụ bảo mật riêng như – Microsoft Baseline Security Analyzer cũng giúp bạn tăng tính bảo mật cho SQL Server. Vì vậy, nếu an toàn là điều ưu tiên nhất của bạn, bạn đã biết nên chọn nền tảng nào rồi đấy.

• Cộng đồng hỗ trợ

SQL Server có một cộng đồng trao đổi và hỗ trợ bởi các lập trình, chuyên gia giỏi và có mặt khắp thế giới với ngôn ngữ phong phú. Do đó, không khó khăn để tìm kiếm sự trợ giúp, giải quyết sự cố, tài liệu và kiến thức.

• IDEs

SQL Server sử dụng Management Studio (SSMS) là một công cụ trực quan dùng để quản lý SQL Server. Với SQL Server Management Studio chúng ta có thể thực hiện được các tương tác với database bằng câu lệnh hoặc trên giao diện người dùng. SQL Server Management Studio được thiết kế đơn giản và dễ sử dụng nhưng bạn cũng cần có thời gian nhất định để làm quen với nó.

1.2. Mục đích của đề tài

Đây là một website nhằm bán và giới thiệu rộng rãi các mặt hàng của công ty đến người tiêu dùng với các chi tiết mặt hàng cũng như giá cả một cách chính xác nhất. Website sau khi xây dựng xong sẽ đáp ứng được các yêu cầu cơ bản sau:

• Giúp cho khách hàng

Khách hàng là những người có nhu cầu mua sắm hàng hóa. Họ sẽ tìm kiếm các mặt hàng cần thiết từ hệ thống và đặt mua các mặt hàng này. Vậy nên website phải giúp cho khách hàng.

• Tìm kiếm và lựa chọn từ xa các sản phẩm mình cần

Khách hàng khi truy cập vào website thương mại điện tử thường tìm kiếm các mặt hàng hay các sản phẩm mà họ cần và muốn mua. Nhưng đôi khi cũng có nhiều khách hàng vào website mà không có ý định mua hay không biết mua gì, thì yêu cầu đặt ra cho hệ thống là làm thế nào để khách hàng dễ bị bắt mắt và hấp dẫn bởi các sản phẩm đó, đồng thời có thể tìm kiếm nhanh và hiệu quả các sản phẩm mà họ cần tìm.

1.2.1. Chức năng người dùng

- Xem được các sản phẩm bán chạy của cửa hàng.
- Xem được các sản phẩm dành cho nam và nữ.
- Người dùng có thể xem được các sản phẩm của các thương hiệu nổi tiếng.
- Cho phép người dùng xem chi tiết sản phẩm, giá cả.
- Xem các sản phẩm khuyến mãi.
- Tìm kiếm sản phẩm.

- Cho phép người dùng xem hình sản phẩm.
- Cho phép người dùng đặt hàng theo yêu cầu.
- Quảng cáo các thương hiệu nổi tiếng và các đối tác.
- Xem các tin tức của công ty.
- Bình luận các sản phẩm.
- Gửi liên hệ cho nhà quản lý.

1.2.2. Chức năng quản trị

- Quản trị cơ chế bảo mật thông tin (Login Logoff).
- Cập nhập thông tin (Thêm, Xóa, Sửa, Chi Tiết) các trang như Sản Phẩm, Tài
 Khoản, Bài viết, Liên hệ, Đơn Đặt Hàng và Chi Tiết Đơn Đặt Hàng.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Thương mại điện tử và website thương mại điện tử

2.1.1. Thương mại điện tử là gì?

Thương mại điện tử, hay còn gọi là e-commerce, e-comm hay EC, là sự mua bán sản phẩm hay dịch vụ trên các hệ thống điện tử như Internet và các mạng máy tính. Thương mại điện tử dựa trên một số công nghệ như chuyển tiền điện tử, quản lý chuỗi dây chuyền cung ứng, tiếp thị Internet, quá trình giao dịch trực tuyến, trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), các hệ thống quản lý hàng tồn kho, và các hệ thống tự động thu thập dữ liệu. Thương mại điện tử hiện đại thường sử dụng mạng World Wide Web là một điểm ít nhất phải có trong chu trình giao dịch, mặc dù nó có thể bao gồm một phạm vi lớn hơn về mặt công nghệ như email, các thiết bị di động như là điện thoại.

Thương mại điện tử thông thường được xem ở các khía cạnh của kinh doanh điện tử (e-business). Nó cũng bao gồm việc trao đổi dữ liệu tạo điều kiện thuận lợi cho các nguồn tài chính và các khía cạnh thanh toán của việc giao dịch kinh doanh.

2.1.2. Thương mại điện tử xuất hiện ở Việt Nam khi nào?

Việt Nam hòa nhập Internet vào cuối năm 1997, một thời gian sau thì thuật ngữ thương mại điện tử bắt đầu xuất hiện nhưng chưa phát triển.

Các mô hình của thương mại điện tử:

- Business-to-business (B2B)
- Business-to-consumer (B2C)
- Consumer-to-consumer (C2C)
- Consumer-to-business (C2B)
- Business-to-government (B2G)
- Consumer-to-government (C2G)

2.1.3. Lợi ích của thương mại điện tử (TMĐT)?

- Đối với doanh nghiệp
- TMĐT giúp khắc phục hạn chế vị trí địa lý. Nếu doanh nghiệp có một cửa hàng vật lý, tập khách hàng của họ sẽ bị giới hạn bởi khu vực địa lý mà bạn có thể phục vụ.

- TMĐT giúp mở rộng tập khách hàng nhờ vào các công cụ tìm kiếm. Thói quen dễ nhìn nhận nhất là tìm kiếm qua Google về sản phẩm họ đang quan tâm và truy cập vào một trang web thương mại điện tử có sản phẩm đó mà họ có thể chưa bao giờ biết tới.
- TMĐT giúp giảm nhiều loại chi phí như:
 - Quảng cáo và tiếp thị: Quản lý lưu lượng truy cập công cụ tìm kiếm, trả tiền cho mỗi lần nhấp hay chạy quảng cáo trên các trang mạng xã hội chính là một số kênh quảng cáo có thể đem lại hiệu quả về chi phí.
 - Mặt bằng, bất động sản: Thay vì phải tìm mua hoặc thuê những mảnh đất có giá trị lớn để xây dựng một cửa hàng tại một khu vực nhất định, doanh nghiệp sẽ chỉ cần đầu tư một hạ tầng server nhất định để có thể lưu trữ thông tin của hệ thống thương mại điện tử với chi phí nhẹ hơn rất nhiều lần.
 - Nhân sự: Việc tự động hóa các quy trình làm việc ví dụ như thanh toán qua các cổng điện tử, quản lý hàng tồn kho và vận đơn... sẽ hỗ trợ doanh nghiệp giảm thiểu được số lượng nhân viên cần thiết để vận hành và quản lý
- TMĐT giúp giữ, dễ liên lạc với khách hàng. Thông qua hệ thống thương mại điện tử, doanh nghiệp có thể nắm bắt thông tin liên hệ dưới dạng email, nên việc gửi cả email tự động và tùy chỉnh trở nên rất đơn giản. Hãy cho khách hàng biết về việc bán hàng, quảng bá sản phẩm mới hoặc chỉ cần đăng ký với khách hàng để liên lạc cá nhân với tất cả nỗ lực tối thiểu.
- TMĐT mở cửa liên tục, không giới hạn thời gian. Thời gian mở cửa của doanh nghiệp bây giờ là 24/7/365 vì các trang web thương mại điện tử có thể chạy mọi lúc.
- TMĐT có linh hoạt trong việc mở rộng quy mô. Khả năng linh hoạt để mở rộng và phát triển dễ dàng hơn rất nhiều. Doanh nghiệp sẽ cần làm việc cùng đội công nghệ (có thể thuê ngoài hoặc trong nhà) để đưa ra những thay đổi, trang web vẫn có thể duy trì hoạt đông trong lúc nâng cấp hệ thống.
- Đối với người dùng
- Tùy từng nhóm khách hàng: Nhiều lựa chọn về sản phẩm, dịch vụ hơn

- Vượt giới hạn về không gian và thời gian: Thương mại điện tử cho phép khách hàng mua sắm mọi nơi, mọi lúc đối với các cửa hàng trên khắp thế giới.
- Nhiều lựa chọn về sản phẩm và dịch vụ: Thương mại điện tử cho phép người mua có nhiều lựa chọn hơn vì tiếp cận được nhiều nhà cung cấp hơn.
- Giá thấp hơn: Do thông tin thuận tiện, dễ dàng và phong phú hơn nên khách hàng có thể so sánh giá cả giữa các nhà cung cấp thuận tiện hơn và từ đó tìm được mức giá phù hợp nhất.
- Giao hàng nhanh hơn với các hàng hóa số hóa được: Đối với các sản phẩm số hóa được như phim, nhạc, sách, phần mềm.... việc giao hàng được thực hiện dễ dàng thông qua internet.
- Thông tin phong phú, thuận tiện và chất lượng cao hơn: Khách hàng có thể dễ dàng tìm được thông tin nhanh chóng và dễ dàng thông qua các công cụ tìm kiếm (search engines); đồng thời các thông tin đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh).
- Đấu giá: Mô hình đấu giá trực tuyến ra đời cho phép mọi người đều có thể tham gia mua và bán trên các sàn đấu giá và đồng thời có thể tìm, sưu tầm những món hàng mình quan tâm tại mọi nơi trên thế giới.
- Cộng đồng thương mại điện tử: Môi trường kinh doanh thương mại điện tử cho phép mọi người tham gia có thể phối hợp, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm hiệu quả và nhanh chóng.
- "Đáp ứng mọi nhu cầu": Khả năng tự động hóa cho phép chấp nhận các đơn hàng khác nhau từ mọi khách hàng.
- Thuế: Trong giai đoạn đầu của thương mại điện tử, nhiều nước khuyến khích bằng cách miễn thuế đối với các giao dịch trên mạng.
- Đối với xã hội
- Hoạt động trực tuyến: Thương mại điện tử tạo ra môi trường để làm việc, mua sắm, giao dịch... từ xa nên giảm việc đi lại, ô nhiễm, tai nạn

- Nâng cao mức sống: Nhiều hàng hóa, nhiều nhà cung cấp tạo áp lực giảm giá do đó khả năng mua sắm của khách hàng cao hơn, nâng cao mức sống của mọi người
- Lợi ích cho các nước nghèo: Những nước nghèo có thể tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ từ các nước phát triển hơn thông qua Internet và thương mại điện tử. Đồng thời cũng có thể học tập được kinh nghiệm, kỹ năng... được đào tạo qua mạng
- Dịch vụ công được cung cấp thuận tiện hơn: Các dịch vụ công cộng như y tế, giáo dục, các dịch vụ công của chính phủ... được thực hiện qua mạng với chi phí thấp hơn, thuận tiện hơn. Cấp các loại giấy phép qua mạng, tư vấn y tế.... là các ví du thành công điển hình.

2.1.4. Web thương mại điện tử

Website thương mại điện tử cũng là website động với các tính năng mở rộng cao cấp cho phép giao dịch qua mạng như: giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán qua mạng, quản lý khách hàng, quản lý đơn đặt hàng ...

2.2. Các công nghệ - kỹ thuật lập trình website

2.2.1. Tìm hiểu về HTML5

Khái niệm

HTML5 là một ngôn ngữ cấu trúc và trình bày nội dung cho <u>World Wide Web</u> và sẽ là công nghệ cốt lõi của <u>Internet</u> trong tương lai không xa, được đề xuất đầu tiên bởi <u>Opera Software</u>. Đây là phiên bản thứ năm của ngôn ngữ <u>HTML</u> - được tạo ra năm 1990 và chuẩn hóa như HTML4 năm 1997 - và xuất hiện vào tháng 12 năm 2012, là 1 ứng viên được giới thiệu bởi <u>World Wide Web Consortium</u> (W3C). Mục tiêu cốt lõi khi thiết kế ngôn ngữ là cải thiện khả năng hỗ trợ cho đa phương tiện mới nhất trong khi vẫn giữ nó dễ dàng đọc được bởi con người và luôn hiểu được bởi các thiết bị và các chương trình máy tính như <u>trình duyệt web</u>, phân tích cú pháp, v.v... HTML5 vẫn sẽ giữ lại những đặc điểm cơ bản của <u>HTML4</u> và bổ sung thêm các đặc tả nổi trội của <u>XHTML</u>, <u>DOM</u> cấp 2, đặc biệt là JavaScript.

• Ưu điểm

- HTML5 có thể tăng tương thích trên các thiết bị di động giúp người dùng tiếp cận website và ứng dụng.
- HTML5 giúp loại bỏ Adobe Flash và một số ứng dụng xem hình ảnh, video.
- HTML5 hỗ trợ các lập trình viên thiết kế web đẹp mắt, chuyên nghiệp.
- Không cần phải tạo cookies trong HTML5
- HTML5 hỗ trợ lập trình viên viết các game trên nền tảng di động.
- Thiết kế web bằng HTML5, giúp người dùng lưu trữ thông tin.

• Nhược điểm

- HTML5 chỉ sử dụng được cho web tĩnh. Nếu muốn muốn tạo ra các tính năng "động" thì lập trình viên phải cần sự hỗ trợ từ các ngôn ngữ lập trình như JavaScript, Backend.
- Mỗi trang HTML cần được tạo riêng biệt, ngay có khi có nhiều yếu tố trùng lặp như header, footer.
- Khó để kiểm soát cách đọc và hiển thị file HTML của trình duyệt.
- HTML document có sử dụng các tag này thì trình duyệt cũng không đọc được).
- Một vài trình duyệt còn chậm cập nhật để hỗ trợ tính năng mới của HTML.

2.2.2. Tìm hiểu về CSS3

• Khái niệm

CSS3 là phiên bản thứ 3 và cũng là mới nhất của CSS, CSS3 được bổ sung thêm nhiều tính năng mới tiện lợi hơn CSS cho người dùng. Được thừa hưởng tất cả những gì có trong phiên bản trước và bổ sung các tính năng mới, CSS3 hiện rất được ưa chuộng trong thiết kế website.

• Ưu điểm

- Tương thích với HTML5.
- Hiển thị cho các thiết bị có kích thước khác nhau.
- Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm SEO.
- Tương thích với mọi trình duyệt.

Nhược điểm

- Chưa chạy tốt trên mọi trình duyệt web.
- Thiết kế layout web chưa có độ chuẩn cao.

2.2.3. Tìm hiểu về JavaScript

Khái niệm

JavaScript, theo phiên bản hiện hành, là một ngôn ngữ lập trình thông dịch được phát triển từ các ý niệm nguyên mẫu. Ngôn ngữ này được dùng rộng rãi cho các trang web (phía người dùng) cũng như phía máy chủ (với Nodejs). Nó vốn được phát triển bởi Brendan Eich tại Hãng truyền thông Netscape với cái tên đầu tiên Mocha, rồi sau đó đổi tên thành LiveScript, và cuối cùng thành JavaScript. Giống Java, JavaScript có cú pháp tương tự C, nhưng nó gần với Self hơn Java. .js là phần mở rộng thường được dùng cho tập tin mã nguồn JavaScript.

• Uu điểm

- JavaScript hoạt động trên nhiều trình duyệt, nền tảng.
- JavaScript để kiểm tra input và giảm thiểu việc kiểm tra thủ công khi truy xuất qua database.
- JavaScript giúp website tương tác tốt hơn với khách truy cập.
- JavaScript nhanh hơn và nhẹ hơn các ngôn ngữ lập trình khác.
- JavaScript dễ tìm ra lỗi nhanh hơn, dễ sửa hơn.

Nhược điểm

- Dễ bị khai thác.
- Có thể được dùng để thực thi mã độc trên máy tính của người dùng.
- Nhiều khi không được hỗ trợ trên mọi trình duyệt.
- JS code snippets lón.
- Có thể bị triển khai khác nhau tùy từng thiết bị dẫn đến việc không đồng nhất.

2.2.4. Tìm hiểu về MVC

• Khái niệm

MVC là viết tắt của cụm từ "Model-View-Controller". MVC là một mẫu kiến trúc phần mềm để tạo lập giao diện người dùng trên máy tính. MVC chia thành ba phần được kết nối với nhau. Chúng bao gồm Model (dữ liệu), View (giao diện) và Controller (bộ điều khiển). Đơn giản hơn, là mô hình này được chia thành 3 phần trong source code. Và mỗi phần đảm nhận vai trò và nhiệm vụ riêng biệt nhau và độc lập.Mô hình MVC (MVC pattern) thường được dùng để phát triển giao diện người dùng. Nó cung cấp các thành phần

cơ bản để thiết kế một chương trình cho máy tính hoặc điện thoại di động, cũng như là các ứng dụng web.

Mô hình MVC gồm 3 loại chính là thành phần bên trong không thể thiếu khi áp dụng mô hình này:

- Model: Một model là dữ liệu được sử dụng bởi chương trình. Đây có thể là cơ sở dữ liệu, file hay một đối tượng đơn giản. Chẳng hạn như biểu tượng hay là một nhân vật trong game.
- View: View là phương tiện hiển thị các đối tượng trong một ứng dụng. Chẳng hạn như hiển thị một cửa sổ, nút hay văn bản trong một cửa sổ khác. Nó bao gồm bất cứ thứ gì mà người dùng có thể nhìn thấy được.
- Controller: Một controller bao gồm cả Model lẫn View. Nó nhận input và thực hiện các update tương ứng.

• Ưu điểm

- Trình tự xử lý rất rõ ràng
- Mô hình MVC quy hoạch các class/function vào các thành phần riêng biệt Controller - Model - View, việc đó làm cho quá trình phát triển - quản lý - vận hành - bảo trì web diễn ra thuận lợi hơn, tạo ra được các chức năng chuyên biệt hóa đồng thời kiểm soát được luồng xử lý.
- Tạo mô hình chuẩn cho dự án, khi người có chuyên môn ngoài dự án tiếp cận với dự án dễ dàng hơn.
- Mô hình đơn giản, dễ hiểu, xử lý những nghiệp vụ đơn giản, và dễ dàng triển khai với các dư án nhỏ.

• Nhược điểm

- MVC đa phần phù hợp với công ty chuyên về website hoặc các dự án lớn thì mô hình này phù hợp hơn so với với các dự án nhỏ, lẻ vì khá là cồng kềnh và mất thời gian.
- Không thể Preview các trang như ASP.NET
- Khó triển khai.

2.2.5. Tìm hiểu về ASP.NET MVC5

• Khái niệm

Asp.Net MVC 5 là phiên bản được phát hành vào tháng 10 năm 2013 trên nền tảng bộ .Net Framework 4.5 và .Net Framework 4.5.1 trên phiên bản Visual Studio 2013. Các đặc điểm chính của phiên bản này như sau:

- Với MVC 5 thì cải tiến hơn so với ASP.NET MVC 4, Bootstrap được thay thế mẫu MVC mặc đinh.
- Chứng thực người dùng Authentication Filter được tùy chỉnh hoặc chứng thực từ hãng thứ 3 cung cấp.
- Với Filter Overrides, chúng ta có thể Filter Overrides trên Method hoặc
 Controller.
- Thuộc tính Routing được tích hợp vào MVC 5.

2.2.6. Tìm hiểu về Bootstrap

Khái niệm

Bootstrap được phát triển bởi Mark Otto và Jacob Thornton với mục đích ban đầu là sử dụng bootstrap như một framework hỗ trợ nội bộ tại công ty Twitter và xuất bản như một mã nguồn mở vào tháng 8/2011 trên website GitHub.

Bootstrap là nền tảng bao gồm các thư viện trình bày trang HTML, CSS và Javascript giúp cho việc phát triển giao diện web trong nhiều môi trường đa nền tảng một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn gọi là Responsive web. Thiết kế Responsive web là tạo ra website có khả năng tự động điều chỉnh giao diện web trên tất cả các thiết bị, từ PC đến các thiết bị di động như điện thoại, máy tính bảng.

• Ưu điểm

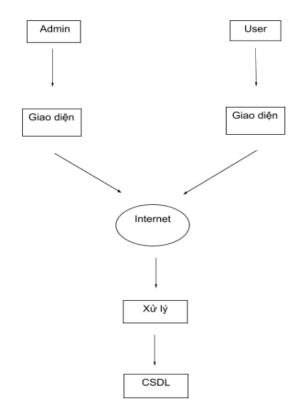
- Phát triển giao diện nhanh chóng.
- Dễ sử dụng.
- Nền tảng tối ưu.
- Tương tác tốt với smartphone.
- Giao diện đầy đủ, sang trọng.
- Dễ dàng tùy biến.
- Hỗ trợ SEO tốt.

Nhược điểm

- Tính kém phổ biến.
- Sản phẩm nặng, tốc độ tối ưu chưa cao.
- Chưa hoàn thiện.
- Nhiều code thừa.
- Bootstrap không khuyến khích sáng tạo.

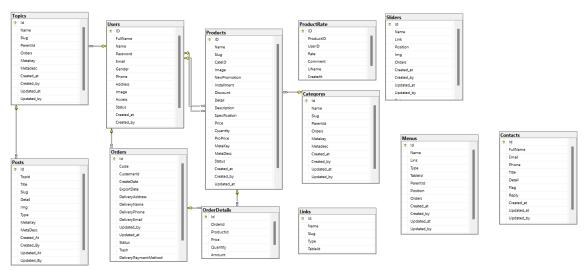
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ

3.1. Sơ đồ tổng thể:

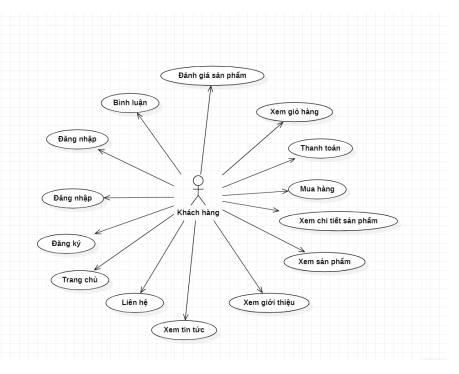


Hình 3.1. Sơ đồ tổng thể

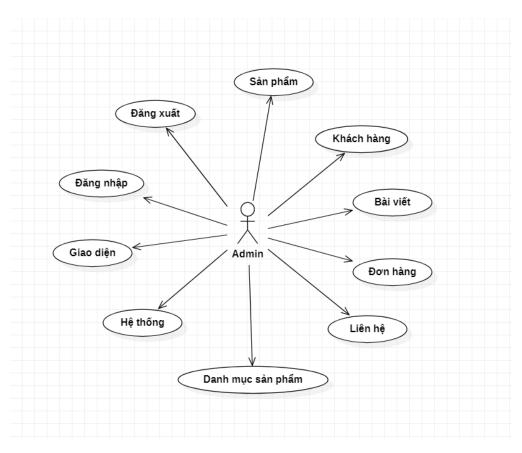
3.2. Cơ sở dữ liệu:



Hình 3.2. Database Diagram



Hình 3.3. Mô hình Use case Khách hàng



Hình 3.3. Mô hình Use case Admin

• Các bảng mô tả dữ liệu:

dbo.Category

Column Name	Data type	Mô tả
Id	int	Mã danh mục
Name	nvarchar(MAX)	Tên danh mục
Slug	nvarchar(MAX)	Phần nằm sau "/"
ParentId	int	ID cha
Orders	int	Đơn hàng
Metakey	nvarchar(MAX)	Chủ đề của danh
		mục
Metadesc	nvarchar(MAX)	Mô tả chủ đề của
		danh mục
Created_at	datetime	Ngày tạo
Created_by	int	Mã người tạo
Update_at	Datetime	Ngày cập nhật
Update_by	int	Mã người cập
		nhật
Status	Int	Trạng thái

dbo.Contacts

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã liên hệ
FullName	nvarchar(MAX)	Họ tên người
		liên hệ
Email	nvarchar(MAX)	Email liên hệ
Phone	Int	Số điện thoại
		người liên hệ
Title	nvarchar(MAX)	Tiêu đề liên hệ
Detail	nvarchar(MAX)	Chi tiết liên hệ
Flag	Int	
Reply	nvarchar(MAX)	Trả lời liên hệ

Created_at	Datetime	Ngày tạo
Updated at	Datetime	Ngày cập nhật
Update by	Int	Mã người cập
		nhật
Status	int	Trạng thái

dbo.Links

Column Name	Data type	Mô tả
Id	int	Mã kết nối
Name	nvarchar(MAX)	Tên kết nối
Slug	nvarchar(MAX)	Phần nằm sau "/"
Type	nvarchar(MAX)	Phân loại kết nối
Tableld	int	

dbo.Menus

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã menu
Name	nvarchar(MAX)	Tên menu
Link	nvarchar(MAX)	Tên đường link
		liên kết
Туре	nvarchar(MAX)	Phân loại kết nối
Tableld	Int	
Parentld	Int	ID cha
Position	nvarchar(MAX)	Vị trí
Orders	Int	Đơn đặt hàng
Create_at	Datetime	Ngày tạo
Create_by	Int	Người tạo
Update_at	Datetime	Ngày cập nhật
Update_by	Int	Người cập nhật
status	int	Tình trạng

dbo.OrderDetail

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã chi tiết đơn
		hàng
OrderId	Int	Mã đơn hàng
ProductId	Int	Mã sản phẩm
Price	Float	Giá sản phẩm
Quantity	Int	Số lượng
Amount	float	Giá tổng cộng

dbo.Orders

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã đơn hàng
Code	nvarchar(MAX)	
customerId	Int	Mã khách hàng
CreateDate	Datetime	Ngày tạo đơn hàng
ExportDate	Datetime	Ngày xuất đơn
		hàng
DeliveryAddress	nvarchar(MAX)	Địa chỉ giao hàng
DeliveryName	nvarchar(MAX)	Tên khách hàng
DeliveryPhone	nvarchar(MAX)	Số điện thoại
		khách hàng
DeliveryEmail	nvarchar(MAX)	Email khách hàng
Update_by	Int	Mã người cập nhật
Update_at	Datetime	Ngày cập nhật
Status	Int	Trạng thái

Trash	Int	Check order đã bị
		xóa hay chưa
DeliveryPaymentMethod	nvarchar(MAX)	Phương thức thanh
		toán
StatusPayment	Int	Tình trạng thanh
		toán

dbo.Posts

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã bài viết
Topid	Int	
Title	nvarchar(MAX)	Tiêu đề bài viết
Slug	nvarchar(MAX)	Phần nằm sau "/"
Detail	nvarchar(MAX)	Chi tiết bài viết
Img	nvarchar(MAX)	Hình bài viết
Туре	nvarchar(MAX)	Loại
MetaKey	nvarchar(MAX)	Chủ đề của danh
		mục
MetaDesc	nvarchar(MAX)	Mô tả chủ đề của
		danh mục
Create_at	Datetime	Ngày tạo bài viết
Create_by	Int	Người tạo bài viết
Update_at	Datetime	Ngày cập nhật bài
		viết
Update_by	Int	Người cập nhật bài
		viết
status	Int	Tình trạng

${\bf dbo. Product Rate}$

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã đánh giá

ProductID	Int	Mã sản phẩm
UserID	Int	Mã người dùng
Rate	Float	Điểm đánh giá
Comment	nvarchar(MAX)	Bình luận
Uname	nvarchar(50)	Tên người dùng
CreateAt	datetime	Ngày đăng

dbo.Products

Column Name	Data type	Mô tả
Id	int	Mã sản phẩm
Name	nvarchar(MAX)	Tên sản phẩm
Slug	nvarchar(MAX)	Phần nằm sau "/"
CateID	Int	Mã danh mục
Image	nvarchar(MAX)	Hình sản phẩm
NewPromotion	nvarchar(MAX)	Bật tắt chương
		trình khuyến mãi
Installment	Int	Trả góp
Discount	Int	Giảm giá
Detail	nvarchar(MAX)	Chi tiết sản phẩm
Description	nvarchar(MAX)	Mô tả sản phẩm
Specification	nvarchar(MAX)	Thông số chi tiết
Price	Float	Giá sản phẩm
Quantity	Int	Số lượng sản phẩm
ProPrice	Float	Giá khuyến mãi
MetaKey	nvarchar(MAX)	Chủ đề của danh
		mục
MetaDesc	nvarchar(MAX)	Mô tả chủ đề của
		danh mục
Status	Int	Tình trạng
Create_at	Datetime	Ngày tạo sản phẩm
Create_by	Int	Mã người tạo

Update_at	Datetime	Ngày cập nhật
Update_by	Int	Mã người tạo
ProRate	Float	Đánh giá sao

dbo.Sliders

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã banner
Name	nvarchar(MAX)	Tên banner
Link	nvarchar(MAX)	Tên đường link
		liên kết
Position	nvarchar(MAX)	Vị trí
Img	nvarchar(MAX)	Tên file banner
Orders	Int	Thứ tự
Create_at	Datetime	Ngày tạo
Create_by	Int	Mã người tạo
Update_at	Datetime	Ngày cập nhật
Update_by	Int	Mã người cập nhật
Status	Int	Trạng thái

dbo.Topics

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã chủ đề
Name	nvarchar(MAX)	Tên chủ đề
Slug	nvarchar(MAX)	Phần nằm sau "/"
ParentId	Int	ID cha
Orders	Int	Đơn hàng
Metakey	nvarchar(MAX)	Chủ đề của danh
		mục
Metadesc	nvarchar(MAX)	Mô tả chủ đề của
		danh mục
Create_at	Datetime	Ngày tạo

Create_by	Int	Người tạo
Update_at	Datetime	Ngày cập nhật
Update_by	Int	Mã người cập nhật
Status	int	Tình trạng

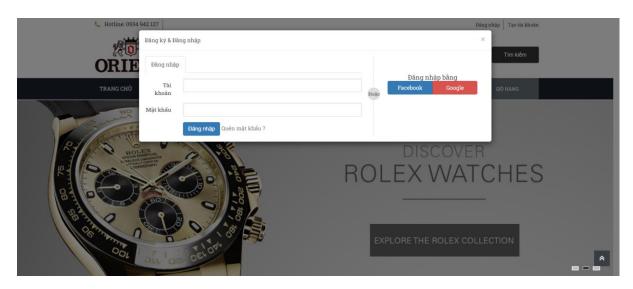
dbo.Users

Column Name	Data type	Mô tả
Id	Int	Mã khách hàng
Name	nvarchar(MAX)	Tên khách hàng
FullName	nvarchar(MAX)	Họ tên khách hàng
Password	nvarchar(MAX)	Mật khẩu khách
		hàng
Email	nvarchar(MAX)	Email khách hàng
Gender	Int	Giới tính khách
		hàng
Phone	Int	Điện thoại khách
		hàng
Address	nvarchar(MAX)	Địa chỉ khách hàng
Image	nvarchar(MAX)	Hình khách hàng
Access	int	Quyền truy cập
Status	Int	Tình trạng
Create_at	Datetime	Ngày tạo
Create_by	Int	Mã người tạo
Update_at	Datetime	Ngày cập nhật
Update_by	int	Mã người cập nhật

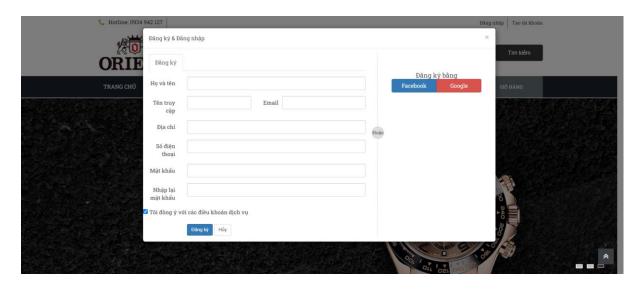
3.3. Giao diện website

3.3.1. Giao diện phía khách hàng:

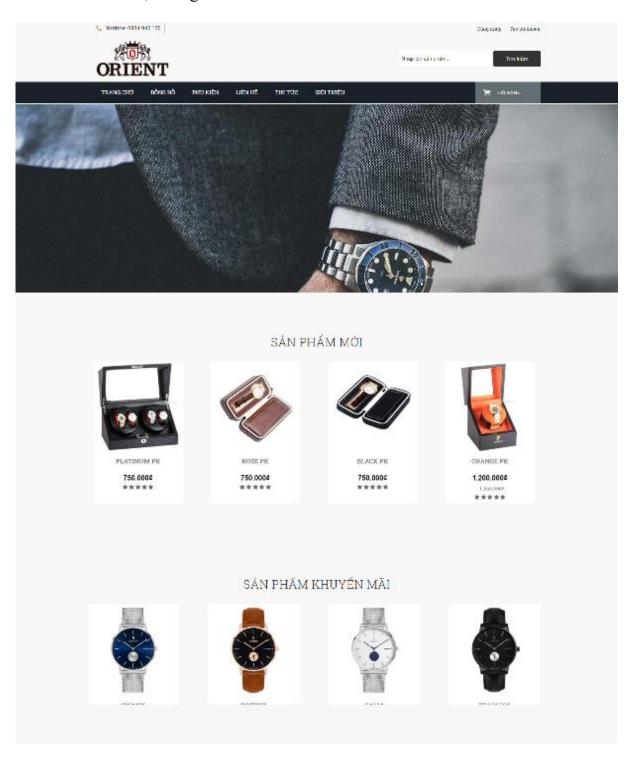
• Giao diện đăng nhập:

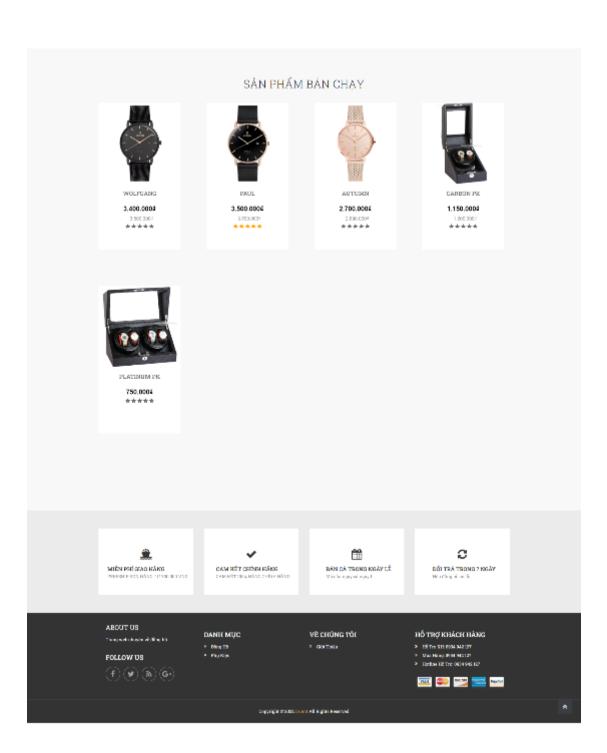


• Giao diện đăng ký:

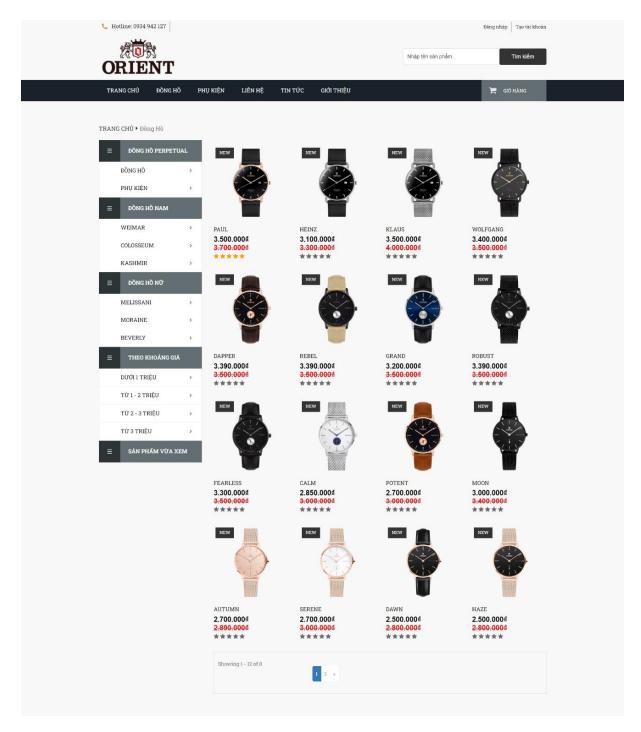


• Giao diện trang chủ:

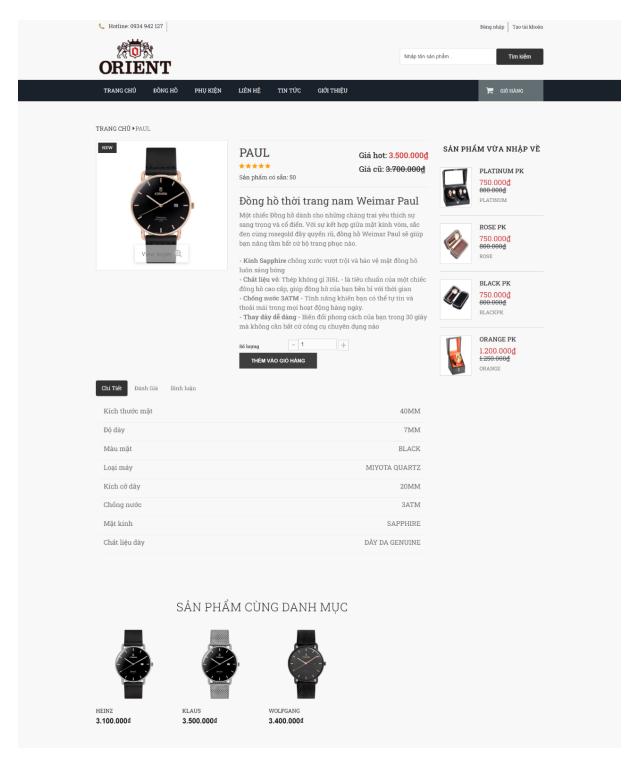




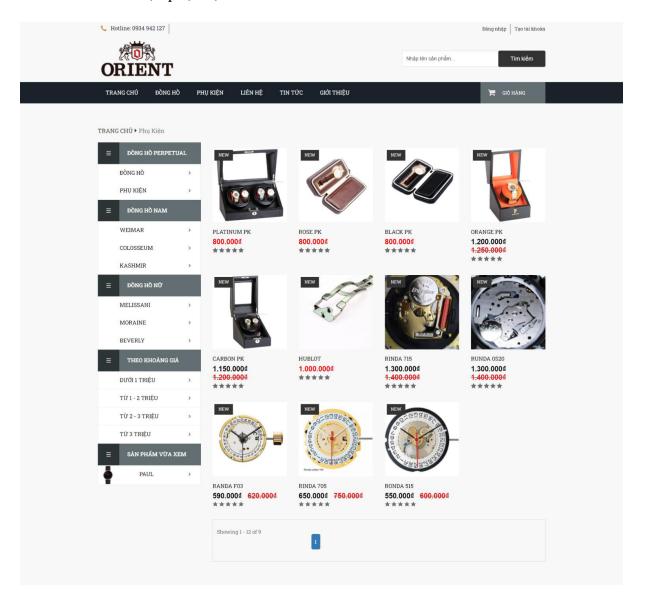
• Giao diện sản phẩm đồng hồ:



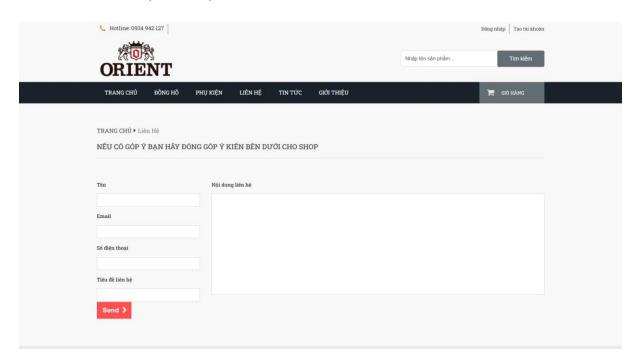
• Giao diện chi tiết sản phẩm:



• Giao diện phụ kiện:



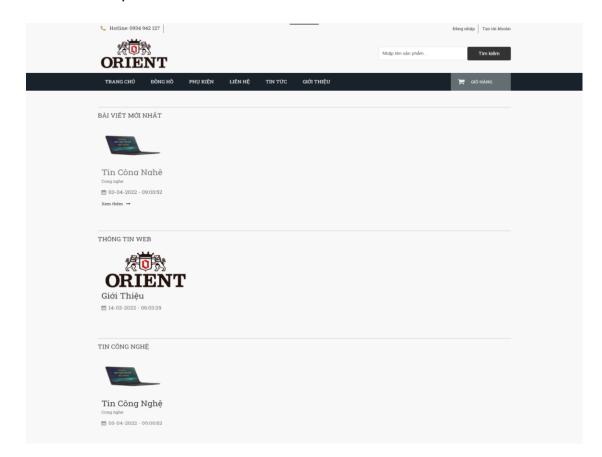
• Giao diện liên hệ:



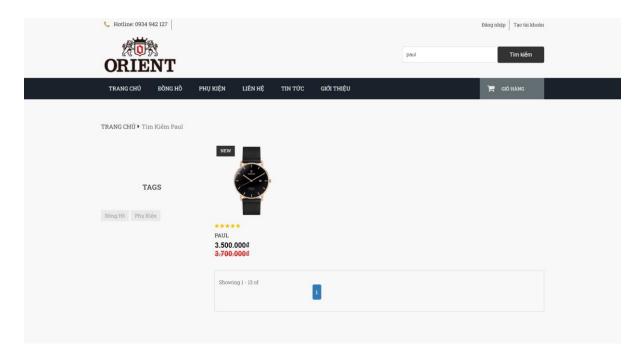
• Giao diện giới thiệu website:



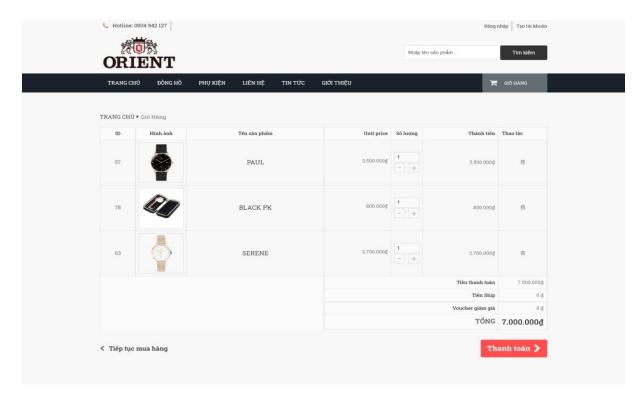
• Giao diện tin tức:



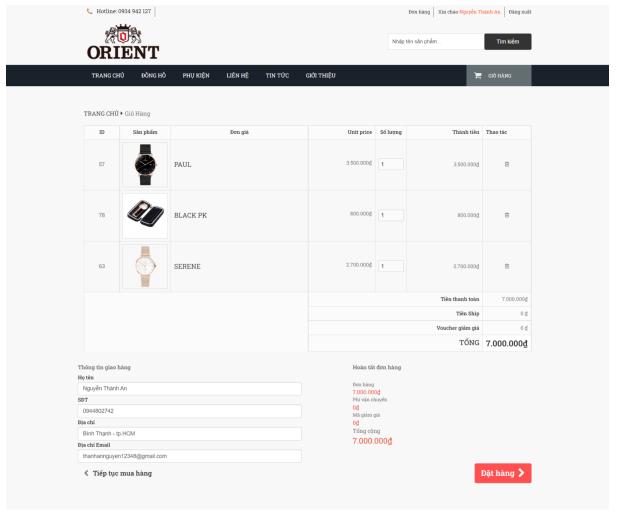
• Giao diện tìm kiếm sản phẩm:



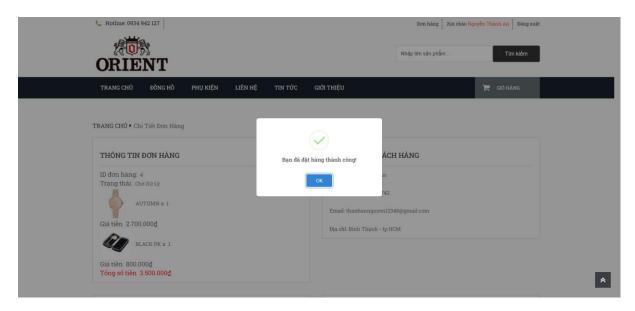
• Giao diện giỏ hàng:



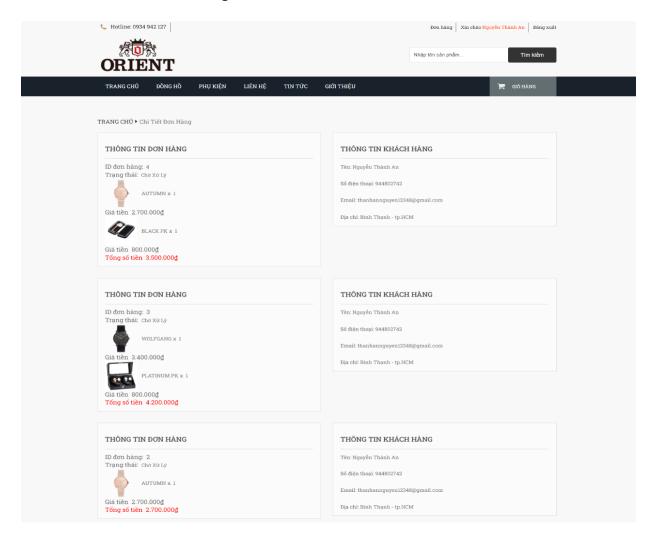
• Giao diện đặt hàng:



• Giao diện đặt hàng thành công:

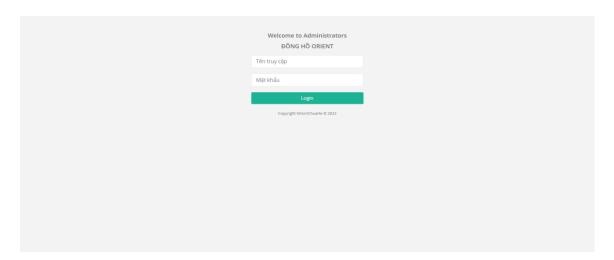


• Giao diện đơn hàng đã mua:

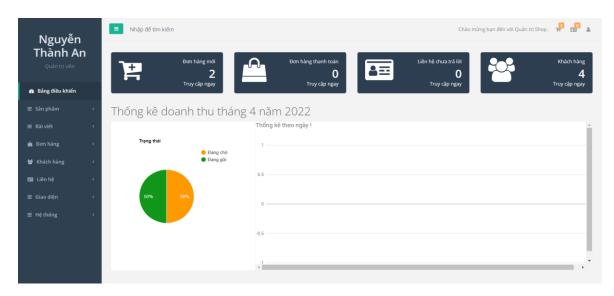


3.3.2. Giao diện của admin:

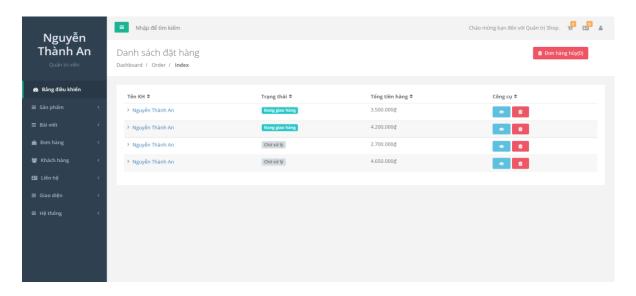
• Giao diện đăng nhập admin:



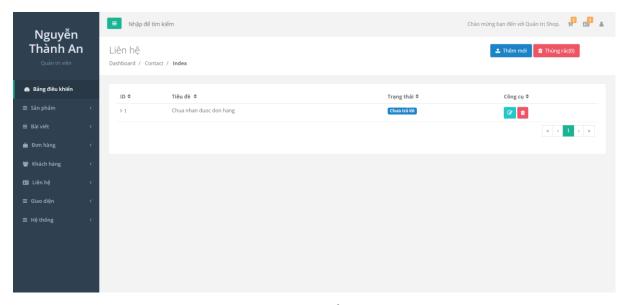
• Giao diện chung:



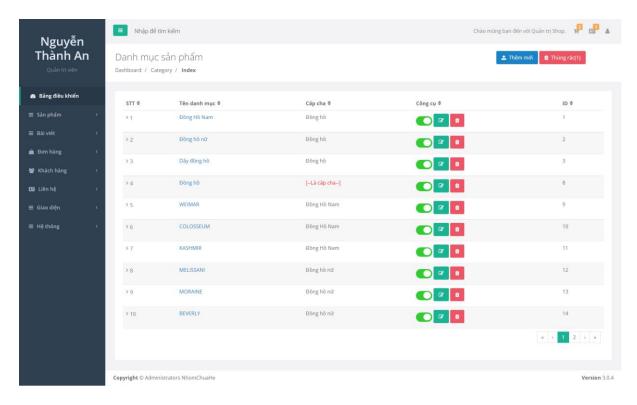
• Giao diện quản lý danh sách đơn đặt hàng:



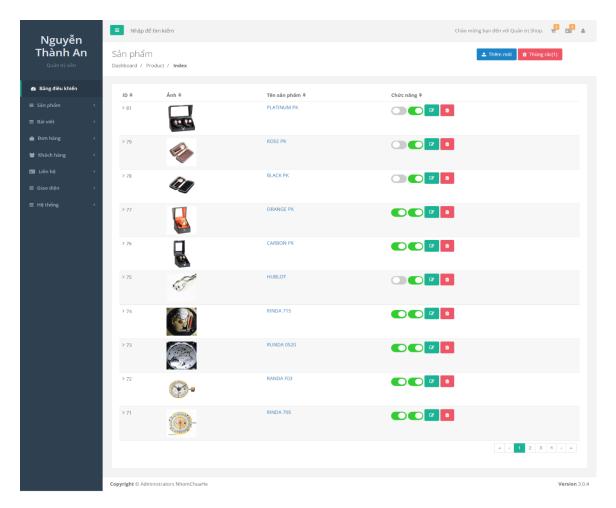
• Giao diện quản lý liên hệ với khách hàng:



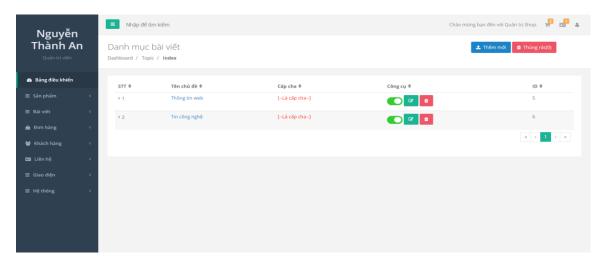
• Giao diện quản lý danh mục sản phẩm:



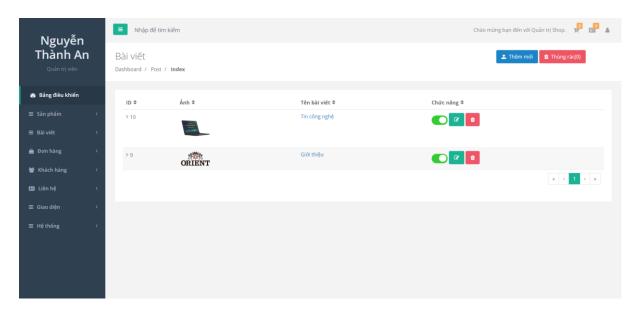
• Giao diện quản lý sản phẩm:



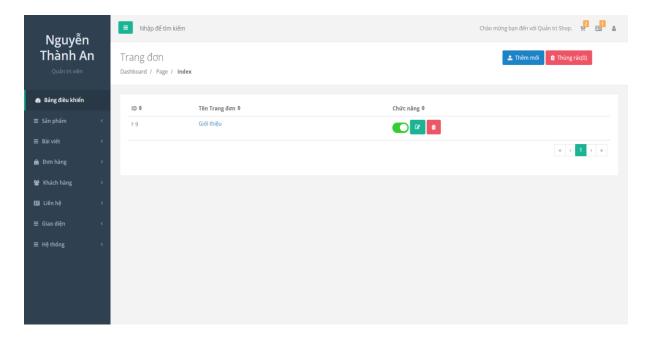
• Giao diện quản lý danh mục bài viết:



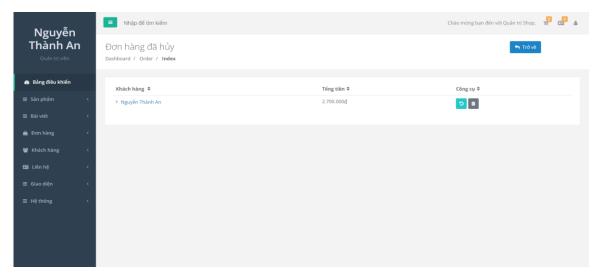
• Giao diện quản lý bài viết:



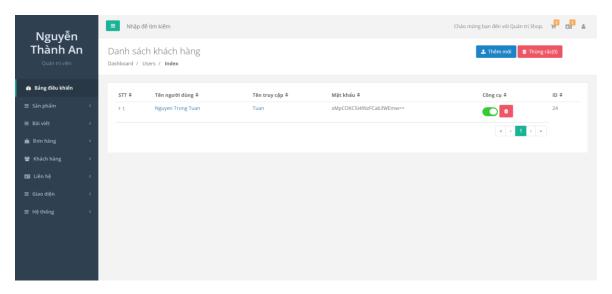
• Giao diện quản lý trang đơn:



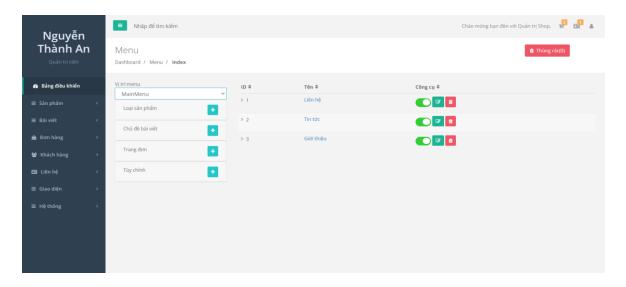
• Giao diện quản lý đơn hàng đã hủy:



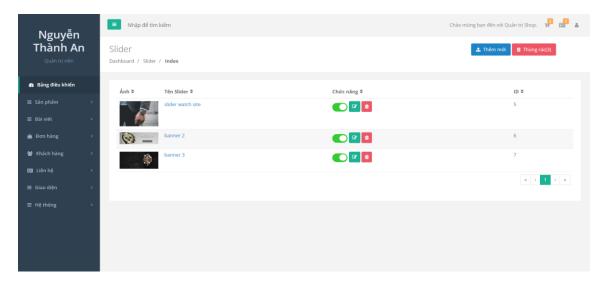
• Giao diện quản lý khách hàng:



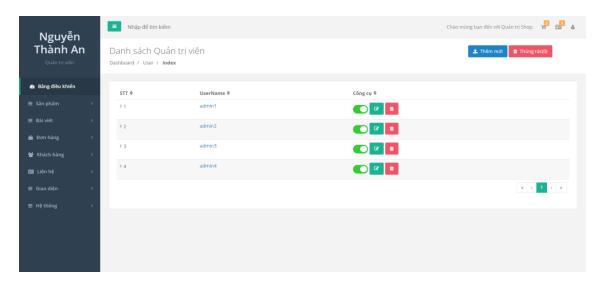
• Giao diện quản lý giao diện menu web:



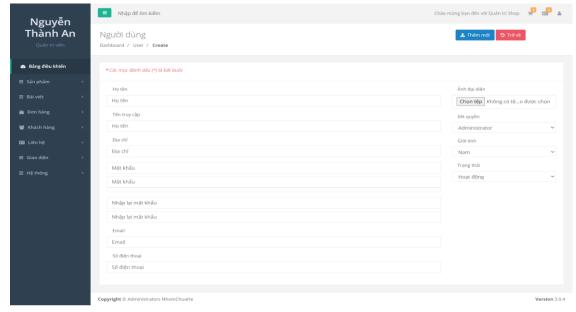
• Giao diện quản lý slider:



• Giao diện quản lý admin:



• Giao diện thêm admin:



CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN – ĐÁNH GIÁ

4.1 Kết luận

Website bán hàng trực tuyến ngày càng phổ biến trên thị trường trong và ngoài nước. Trong đó website kinh doanh bán Đồng hồ là một trang web không thể thiếu nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường. Bằng tất cả lượng kiến thức đã học nhóm chúng em đã làm được các chức năng cơ bản và cần thiết nhất của một trang web bán đồng hồ.

❖ Ưu điểm

- Phù hợp với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng hiện nay.
- Dối với người quản trị: Cho phép thực hiện các chức năng quản lý website:

- Quản lý sản phẩm:

- Cho phép thêm, xóa, sửa các thông tin về sản phẩm.
- Chức năng nhập sản phẩm mới.

- Quản lý các thông tin liên quan:

- Xem thông tin góp ý của khách hàng.
- Xem thông tin chi tiết đơn hàng mà khách hàng đã đặt.

> Đối với người sử dụng:

- Cho phép thực hiện các chức năng Tìm kiếm, Xem sản phẩm, Góp ý, Mua hàng qua mạng.
- Cho phép chọn sản phẩm, đặt mua sản phẩm và thanh toán theo nhiều cách như thanh toán khi giao hàng, hoặc thanh toán bằng thẻ do Website cung cấp.
- Cho phép người dùng tra cứu địa chỉ của cửa hàng trên Google Maps.
- Khách hàng có thể nhắn tin với cửa hàng.

❖ Nhược điểm

Tuy tụi em đã có những bài lab và sự hướng dẫn của thầy nhưng chúng em vẫn còn một số thiếu sót nhất định. Mong thầy và các bạn thông cảm!

➤ Về dữ liệu:

- Dữ liệu chưa được đầy đủ.
- Dữ liệu thực tế có thể bị thay đổi cho nên có thể không đúng với thực tế.
- Các thông tin về sản phẩm, thương hiệu chỉ mang tính tương đối.

> Về giao diện:

Giao diện chưa bắt mắt, vẫn còn một số chỗ bị lỗi.

❖ Đánh giá

Những thuận lợi và khó khăn khi phân tích thiết kế:

- Thuận lợi: Được sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy Trịnh Công Nhựt và các mô hình thực tế trên mạng.
- Khó khăn khi thực hiện: Kiến thức về dữ liệu vẫn còn hạn chế. Vẫn còn thiếu sót trong quá trình làm và phải bổ sung nhiều lần. Thời gian hạn chế.

Những yêu cầu hệ thống có thể làm được

- Giới thiệu sản phẩm tới người tiêu dùng.
- Giúp khách hàng tìm kiếm các sản phẩm theo tên và theo thương hiệu của sản phẩm.
- Tạo cho mỗi khách hàng một tài khoản riêng.
- Thực hiện được các chức năng thêm, xóa, sửa như: sản phẩm, khuyến mãi, thương hiệu và tài khoản...

Những mặt hệ thống chưa làm được

- Thiết kế giao diện chương trình còn hạn chế.
- Các chức năng còn hạn chế chưa được linh động trong việc xử lý
- Thanh toán có nhiều hình thức thanh toán như: qua thẻ, qua tài khoản ngân hàng,
 giao hàng tận nơi.

4.2 Hướng phát triển

Nếu có nhiều thời gian hơn, em sẽ phát triển đề tài theo hướng sau:

- > Thiết kế giao diện thân thiện với người dùng hơn.
- Làm thêm một số chức năng của người dùng (thông tin tài khoản, quên mật khẩu, xác nhận điện thoại và một số thanh toán khác,....).
- > Thêm hình thức đăng nhập bằng Google cho người dùng.
- Cập nhật thêm những table cần thiết cho web (phân quyền, ẩn hiện sản phẩm,...).
- Sử dụng các công nghệ bảo mật đã được học để áp dụng vào website để tăng tính bảo mật.
- Chỉnh sửa dữ liệu chính xác với thực tế và sẽ nâng cấp dần website để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng trong thời đại mới.
- > Tích hợp các công nghệ mới nhất cho website.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình thực hành lập trình web Hutech.

 $\underline{https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1XInr24FugG6oMRJ8-gqAKf5CMgGaoETo}$

Trang web tham khảo:

https://donghohaitrieu.com

https://orient-watch.com (ORIENT Watch Global Site | Homepage)

https://www.watchstore.vn/collections/dong-ho-orient-chinh-hang

Tài liệu tham khảo về code:

https://dinhnt.com/list-cate-course/asp-net

https://www.w3schools.com/

http://thayphet.net

https://www.devpro.edu.vn/tai-lieu-hoc-lap-trinh-html-css

 $\underline{https://getbootstrap.com/docs/4.2/components/toast}$

Link website up lên hosting: http://watchstore.somee.com